

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI  
PHÒNG ĐBCL&KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 1 năm 2023.

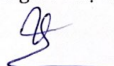
**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO BÀI THI**  
Học phần: Sinh lý bệnh miễn dịch Khoa : K76 Học kỳ: 2 Năm học: 2022 - 2023  
Ngày công bố điểm thi: 14/7/2023

| TT | Họ và tên              | Mã SV/HV | Lớp/ Khóa | GD thi | Điểm thi trước phúc khảo |               | Điểm thi sau phúc khảo |                | Lý do chênh lệch điểm (nếu có) |
|----|------------------------|----------|-----------|--------|--------------------------|---------------|------------------------|----------------|--------------------------------|
|    |                        |          |           |        | Bảng số                  | Bảng chữ      | Bảng số                | Bảng chữ       |                                |
| 1  | Chu Xuân Hậu           | 2001210  | A1K75     | 4      | 0.8                      | Không trả     | 0.8                    | Không thay đổi |                                |
| 2  | Đoàn Ngọc Bích         | 2101066  | A1K76     | 6      | 7.3                      | Bảng thay đổi | 7.3                    | Bảng thay đổi  |                                |
| 3  | Dương Đức Cường        | 2101087  | A2K76     | 6      | 2                        | Thi đổi       | 2.0                    | Thi đổi        |                                |
| 4  | Trần Thu Hà            | 2101187  | A3K76     | 8      | 6                        | Sau đổi       | 6.0                    | Sau đổi        |                                |
| 5  | Vũ Ngọc Hải Linh       | 2101391  | A4K76     | 12B    | 7.3                      | Bảng thay đổi | 7.3                    | Bảng thay đổi  |                                |
| 6  | Đặng Phương Mai        | 2101407  | A2K76     | 13     | 1.3                      | Nội thay đổi  | 1.3                    | Nội thay đổi   |                                |
| 7  | Nguyễn Ngọc Mai        | 2101413  | A4K76     | 13     | 5.5                      | Nội nội       | 5.5                    | Nội nội        |                                |
| 8  | Phạm Thị Trà My        | 2101443  | A4K76     | 13     | 6.5                      | Sau nội       | 6.5                    | Sau nội        |                                |
| 9  | Nguyễn Thị Hồng Ngọc   | 2101474  | A2K76     | 14     | 6.5                      | Sau nội       | 6.5                    | Sau nội        |                                |
| 10 | Lương Cẩm Nhung        | 2101503  | A1K76     | 15     | 7                        | Bảng đổi      | 7.0                    | Bảng đổi       |                                |
| 11 | Nguyễn Trần Mai Phương | 2101533  | A1K76     | 17     | 6.8                      | Sau thay đổi  | 6.8                    | Sau thay đổi   |                                |
| 12 | Đỗ Hương Thảo          | 2101591  | A2K76     | 18     | 5.3                      | Nội thay đổi  | 5.3                    | Nội thay đổi   |                                |
| 13 | Nguyễn Thị Thanh Thảo  | 2101599  | A1K76     | 18     | 6.5                      | Sau nội       | 6.5                    | Sau nội        |                                |
| 14 | Đỗ Thị Thanh Uyên      | 2101701  | A2K76     | 24     | 4.8                      | Bảng thay đổi | 4.8                    | Bảng thay đổi  |                                |
| 15 | Lê Thị Tố Uyên         | 2101703  | A4K76     | 24     | 7                        | Bảng đổi      | 7.0                    | Bảng đổi       |                                |
| 16 | Nguyễn Thị Phương Anh  | 2101727  | A2K76     | 24     | 5.8                      | Nội thay đổi  | 5.8                    | Nội thay đổi   |                                |

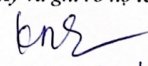
**GIÁO VỤ KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Phạm Thị Tố Như

**TRƯỜNG KHOA**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Phạm Thị Thúy Vân

**PHÒNG ĐBCL&KT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

  
Kiều Thị Hằng